

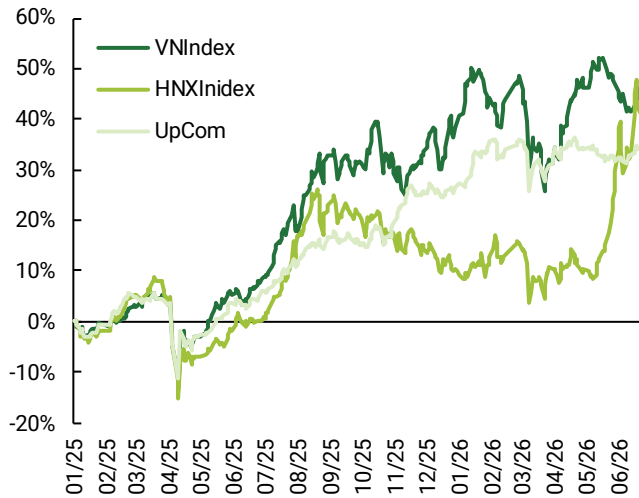
VN-Index **1878.02 (0.48%)**
681 Tr. cổ phiếu 18254.3 Tỷ VND (-41.30%)

HNX-Index **318.24 (-2.49%)**
58 Tr. cổ phiếu 968.6 Tỷ VND (-14.96%)

UPCOM-Index **127.38 (-0.04%)**
28 Tr. cổ phiếu 470.5 Tỷ VND (-53.65%)

VN30F1M **2009.00 (0.88%)**
201,850 HD OI: 32,440 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1878.0, tăng +9.0 điểm (+0.48%). Thanh khoản giảm với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Sắc xanh cũng ghi nhận ở VN30 trong khi HNXIndex giảm.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Áp lực bán tiếp tục chiếm ưu thế trong giao dịch. Đà tăng được thúc đẩy bởi nhóm Vingroup trong khi dòng tiền vẫn thận trọng nhất định.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Bất động sản: VHM (+2.3%), NVL (+5.3%) | Ngân hàng: TCB (+1.4%), LPB (+5.5%) | Thực phẩm và đồ uống: ANV (+3.3%) | Xây dựng và Vật liệu: BMP (+1.2%), CII (+1.5%). Diễn biến yếu trong phiên: Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GMD (-1.8%), VTP (-1.3%) | Dịch vụ tài chính: HCM (-2.0%), VCI (-1.4%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: NT2 (-1.8%), POW (-1.4%) | Tài nguyên Cơ bản: VPG (-2.5%), KSB (-2.4%), TTF (-2.3%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | VHM, VIC, LPB, TCB, MWG - Chiều giảm | BID, VCB, STB, VJC, CTG
- Khối ngoại Bán ròng gần 600 tỷ, tập trung nhiều ở FPT, CTG, VPB, trong khi mua ròng VIC, LPB, NVL.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** đóng cửa với mẫu hình nển High Wave, cho thấy biến động mạnh trên vùng cao, chịu ảnh hưởng từ dao động của các mã trụ lớn. Đà tăng tiếp tục chững lại khi tiếp cận vùng cản 1880–1890 điểm, trong khi thanh khoản suy giảm cho thấy lực cầu chưa đủ mạnh để xác nhận một nhịp bứt phá. Trong trường hợp các nỗ lực vượt cản tiếp tục không thành công, chỉ số nhiều khả năng sẽ quay lại tích lũy quanh khu vực 1850 điểm nhằm tái tạo nền giá. Bên cạnh diễn biến chỉ số, độ rộng thị trường là yếu tố cần được theo dõi sát. Nếu sự lan tỏa của dòng tiền không cải thiện, đà tăng hiện tại sẽ phụ thuộc chủ yếu vào số ít mã trụ và sẽ kém bền vững nếu các cổ phiếu này mất đà.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số tiếp tục dao động mạnh trên vùng cao. Vận động đang chịu ảnh hưởng bởi biến động ở mã THD, rủi ro rung lắc hiện hữu nếu cổ phiếu này mất đà.
- **Chiến lược:** Cần lưu ý số lượng cổ phiếu quay lại kiểm định vùng đáy ngắn hạn đang gia tăng. Nếu các vùng hỗ trợ này bị phá vỡ đi kèm thanh khoản lớn, nhịp hồi vừa qua nhiều khả năng chỉ mang tính kỹ thuật. Trong bối cảnh đó, trạng thái vận động ở từng mã cũng phân hóa mạnh, theo đó, nhà đầu tư nên theo dõi sát diễn biến dòng tiền và cấu trúc giá của từng cổ phiếu để quản trị rủi ro phù hợp. Hạn chế mua bình quân khi tín hiệu kiểm định chưa rõ ràng.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi BMP (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,878.0	0.5%	4.0%	0.0%	18,254.3	-41.3%	-24.6%	-18.3%	681.3	-32.5%	-17.2%	-20.3%
HNX-Index	318.2	-2.5%	-3.6%	19.0%	968.6	-15.0%	-7.5%	-28.0%	57.6	-4.4%	-1.6%	-31.6%
UPCOM-Index	127.4	-0.04%	0.2%	1.4%	470.5	-53.6%	-35.2%	-36.8%	28.1	-47.9%	0.1%	-52.0%
VN30	2,010.2	0.8%	2.7%	0.0%	10,841.6	-53.6%	-22.6%	-2.2%	275.3	-50.7%	-21.3%	-1.5%
VNMID	2,119.6	-0.03%	-2.7%	-2.8%	6,107.9	1.2%	-31.2%	-37.0%	288.8	-3.8%	-27.4%	-41.9%
VNSML	1,341.3	0.04%	-1.8%	-2.2%	795.9	-12.7%	3.9%	-10.9%	54.0	-15.4%	-1.5%	-8.0%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	650.0	0.2%	0.73%	1.1%	4,996.3	-67.6%	-28.6%	-20.5%	198.7	-58.5%	-22.8%	-26.1%
Bất động sản	1,034.0	1.0%	14.2%	6.3%	3,338.4	-43.0%	-15.5%	-18.0%	100.0	-16.5%	2.1%	-4.0%
Dịch vụ tài chính	313.9	0.2%	-1.4%	0.8%	2,949.6	11.0%	23.6%	21.0%	140.3	14.1%	26.8%	21.3%
Công nghiệp	262.8	0.2%	-2.9%	-6.3%	876.1	-1.5%	-1.2%	-10.5%	24.1	-22.8%	-11.6%	-17.1%
Tài nguyên cơ bản	516.3	0.7%	-1.7%	-1.5%	451.7	-42.9%	-16.4%	-24.6%	23.3	-38.6%	-11.3%	-22.0%
Xây dựng - Vật Liệu	169.2	0.3%	-1.8%	-1.5%	626.3	-13.4%	-25.4%	-13.3%	32.7	-17.5%	-24.5%	-16.1%
Thực phẩm	479.9	0.2%	-7.3%	-26.9%	1,179.5	38.1%	12.4%	8.7%	28.8	21.5%	14.9%	9.6%
Bán Lẻ	1,438.0	1.8%	-1.6%	-0.5%	831.3	18.0%	49.4%	31.4%	10.5	2.5%	42.4%	19.8%
Công nghệ	387.8	0.0%	-2.0%	-4.1%	603.8	21.2%	-24.7%	-29.7%	9.1	18.7%	-26.0%	-32.2%
Hóa chất	175.6	0.0%	-3.2%	-4.9%	308.1	-37.6%	-15.6%	-15.6%	10.9	-32.4%	-10.7%	-7.9%
Tiện ích	749.6	-0.1%	-1.1%	-2.4%	353.7	-26.0%	-1.3%	5.1%	15.0	-17.0%	-15.1%	2.0%
Dầu khí	104.1	1.5%	-1.8%	-10.9%	543.9	-19.5%	9.84%	11.0%	19.7	-15.9%	15.1%	23.6%
Dược phẩm	404.8	-0.45%	-0.9%	-1.9%	37.9	7.7%	14.4%	-40.5%	1.2	1.0%	1.3%	-57.8%
Bảo hiểm	101.7	-0.8%	-3.5%	-6.8%	31.7	-34.9%	9.0%	-13.1%	0.6	-31.3%	11.7%	-30.4%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,878.0	0.48%	5.2%	15.2x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,548	0.48%	22.9%	16.2x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	5,884	-3.56%	-32.0%	14.1x	1.6x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,475	0.27%	1.4%	15.4x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,991	-2.20%	-1.0%	9.4x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,111	0.11%	3.6%	20.4x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	23,412	0.33%	-8.7%	12.1x	1.2x
Nikkei 225	Nhật Bản	69,175	-0.88%	37.4%	25.7x	3.3x
S&P 500	Mỹ	7,365	-1.44%	7.6%	27.1x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	51,667	-0.09%	7.5%	24.8x	6.0x
FTSE 100	Anh	10,435	0.06%	5.1%	16.9x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,212	-0.29%	7.3%	17.8x	2.5x
DXY		101.7	0.67%	3.4%		
USDVND		26,331	0.030%	0.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

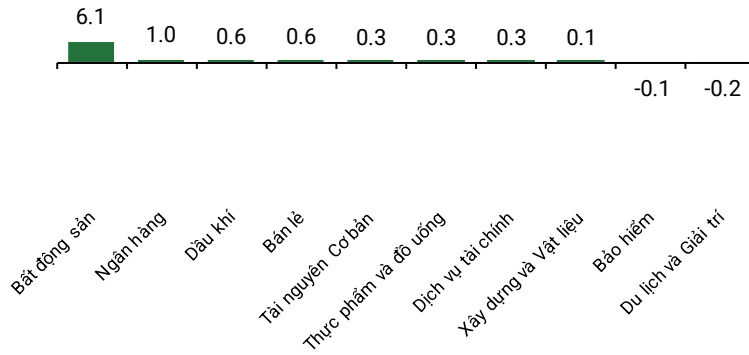
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-1.96%	-27.0%	24.2%	12.6%
Dầu WTI	▼	-1.91%	-25.7%	25.1%	11.6%
Khí gas	▬	1.0%	9.3%	-13.8%	-10.2%
Than cốc (*)	▬	0.0%	16.2%	24.3%	57.0%
Thép HRC (*)	▬	0.0%	-2.1%	2.2%	4.6%
PVC (*)	▬	0.2%	-6.8%	-1.9%	-7.7%
Phân Urea (*)	▲	2.3%	-38.2%	11.0%	12.9%
Cao su thiên nhiên	▼	-0.6%	0.5%	23.9%	39.7%
Bông Cotton	▬	0.0%	-4.5%	15.1%	12.0%
Đường	▬	0.0%	-8.7%	-10.6%	-14.9%
World Container Index	▬	0.0%	46.4%	79.4%	21.0%
Baltic Dirty tanker Index	▲	2.3%	1.9%	68.8%	100.8%
Vàng	▼	-1.71%	-10.3%	-6.3%	21.8%
Bạc	▼	-2.14%	-20.2%	-15.9%	67.8%

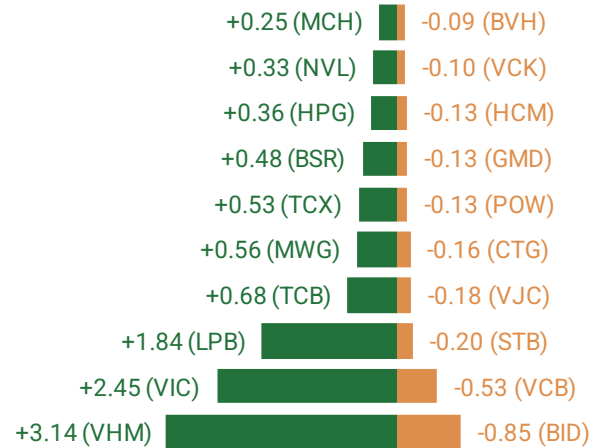
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

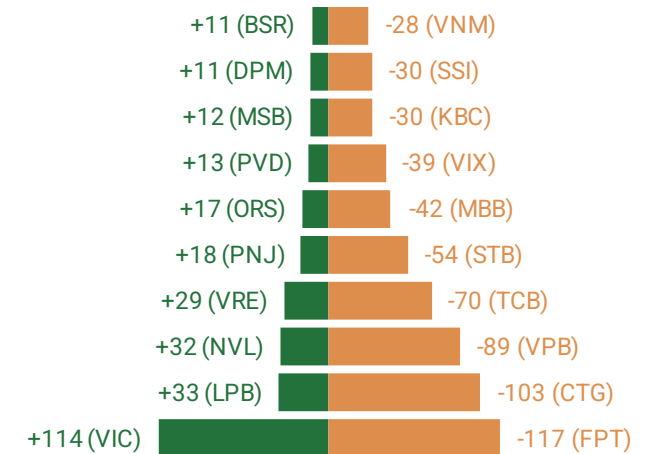
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



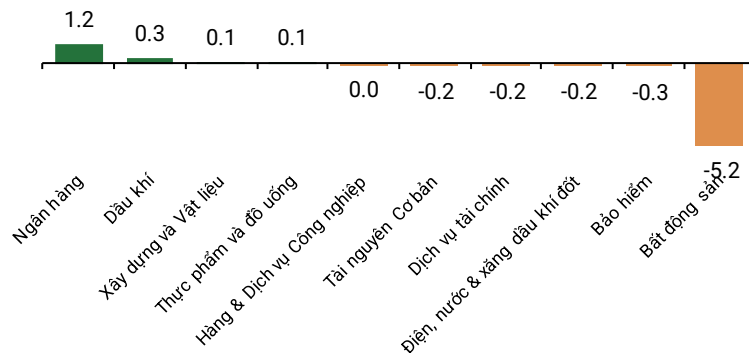
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



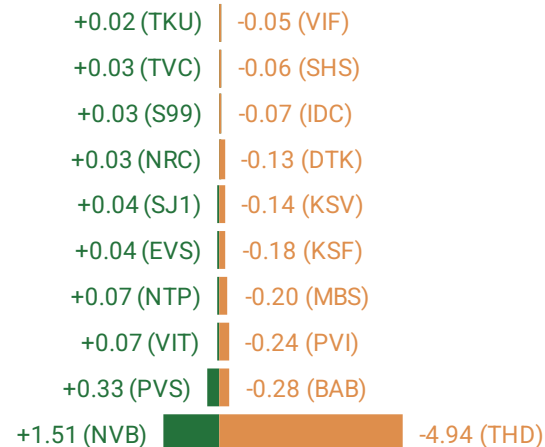
TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



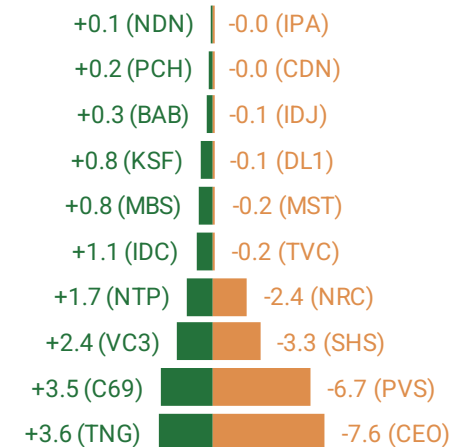
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



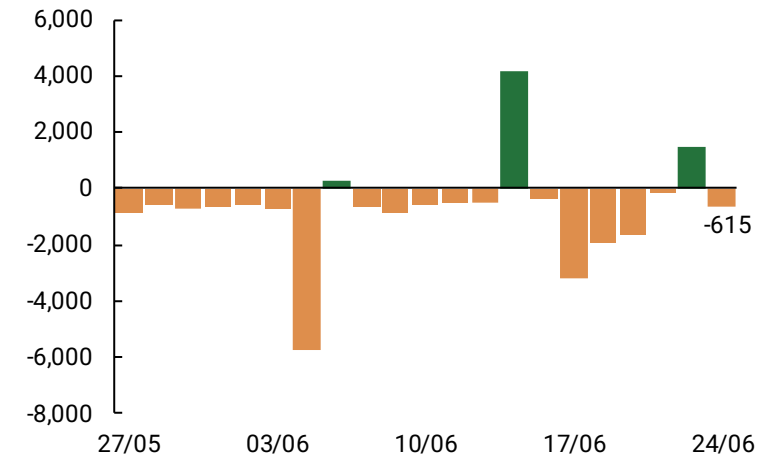
	VIC	VHM	LPB	TCB	SHB
%DoD	0.7%	2.3%	5.5%	1.4%	-0.4%
Giá trị	887	860	665	584	531

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	VJC	HCM	MSN	VIX	FRT
%DoD	-0.8%	-2.0%	0.0%	-0.9%	0.0%
Giá trị	629	603	506	308	192

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



	SHS	PVS	MBS	CEO	IDC
%DoD	-0.5%	2.6%	-1.5%	-0.7%	-0.7%
Giá trị	182	78	67	64	45

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	SHS	HUT	HMH	L40	TIG
%DoD	-0.5%	0.0%	0.0%	-1.0%	0.0%
Giá trị	150	75	6	6	3

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Shooting star, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1750 | 1800.
- ✓ Kháng cự: 1880 | 1920.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong giai đoạn điều chỉnh.

Kịch bản: VN-Index tiếp tục chững lại khi tiếp cận kháng cự 1880 – 1890 điểm. Vận động khả năng cần hạ nhiệt về quanh khu vực 1850 điểm để tích lũy thêm, trước khi quay lại thử thách vùng cản. Điểm sáng là các chỉ báo kỹ thuật vẫn giữ đà cải thiện, cho thấy tín hiệu kiểm định nghiêng về rung lắc hơn là điều chỉnh mạnh. Hỗ trợ gần được nâng lên quanh ngưỡng 1800 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Spinning Top, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1900 | 1940.
- ✓ Kháng cự: 2000 | 2050.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong giai đoạn điều chỉnh.

Kịch bản: VN30 trở lại vận động trên ngưỡng tâm lý 2000 điểm. Dù vậy, thanh khoản sụt giảm cho thấy lực cầu chưa xác nhận động lực. Vận động khả năng rung lắc, kiểm định thêm quanh mốc tâm lý này. Kháng cự cao hơn trong chiều bứt phá quanh ngưỡng 2050 điểm, trong khi hỗ trợ gần được nâng lên quanh mức 1945 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	BMP	WATCH	Current price	148.10	P/E (x)	9.7
Exchange	HOSE		Watch zone	144 - 145	P/B (x)	3.8
Sector	Building Materials & Fixtures		Target price	160	EPS	15218.3
			Cut loss price	137	ROE	41.5%
				Stock Rating	A	
				Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá trở lại vận động trên MA20, MA50 ngày.
 - MACD cắt lên đường tín hiệu, cùng với RSI cải thiện trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi
 - Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền quay trở lại.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh yếu dần và giá có thể tiếp tục quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, quan sát khi giá điều chỉnh kiểm định lại hỗ trợ 144 - 145.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	BMP	Theo dõi	25/06/2026	148.1	144 - 145	-	160	10.7%	137	-5.2%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MBB	Mua	05/05/2026	-	24.8	25.9 - 26.1	-4.6%	29	11.5%	24.4	-6.2%	
2	VCB	Mua	28/05/2026	-	61.0	63 - 63.5	-3.6%	70	10.7%	60	-5.1%	
3	VLB	Mua	11/06/2026	-	48.4	47.2 - 48	1.6%	52	9.2%	45.5	-4.4%	
4	DHC	Mua	11/06/2026	-	33.5	32.2 - 32.5	3.6%	35.5	9.7%	30.5	-5.7%	
5	SHS	Mua	15/06/2026	-	18.3	18.7 - 18.9	-2.7%	20.8	10.6%	17.8	-5.3%	
6	TPB	Mua	17/06/2026	-	16.0	16.1 - 16.4	-1.5%	18	10.8%	15.5	-4.6%	
7	DRI	Mua	18/06/2026	-	14.1	14.2 - 14.5	-1.7%	15.8	10.1%	13.6	-5.2%	
8	POW	Mua	19/06/2026	-	14.1	13.8 - 13.9	1.8%	15.4	11.2%	13.2	-4.7%	
9	NAB	Mua	22/06/2026	-	12.9	12.2 - 12.4	4.9%	13.6	10.6%	11.6	-5.7%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2009, tăng 17.6 điểm (+0.9%). Giá chứng lại đầu phiên nhưng lực cầu đã cải thiện hơn trong phiên chiều.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo RSI đã tiếp cận vùng quá mua, cho thấy giá khả năng hạ nhiệt để tái tạo đà. Theo đó, khu vực hỗ trợ gần hiện quanh ngưỡng 2005, vị thế Long có thể cân nhắc khi phản ứng kiểm định tốt. Chiều ngược lại, vị thế Short có thể tham gia khi giá lùi về dưới ngưỡng 1994. Lưu ý giá có thể rung lắc mạnh trước biến động của các mã trụ lớn trong rổ VN30.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1938.1, tăng 8.1 điểm (+0.4%). Độ lệch basis 2.3 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 32 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1930 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1950 điểm.

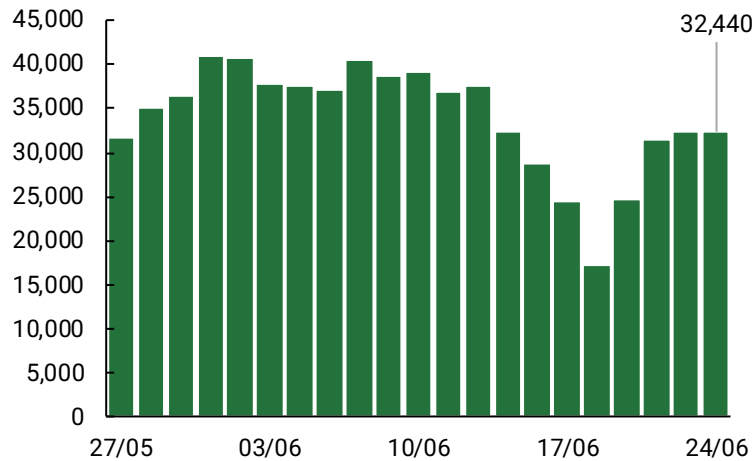
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 2005	2020	1996	15 : 9
Short	< 1994	1982	2002	12 : 8

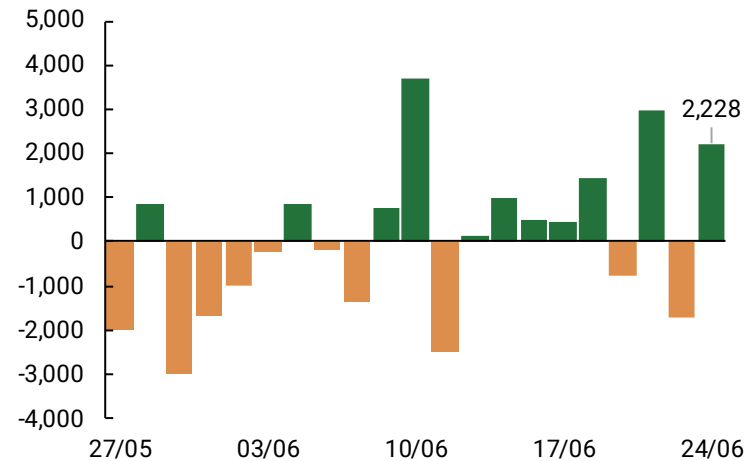
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111GC000	2,004.0	16.9	30	665	2,024.8	-20.8	17/12/2026	176
4111G9000	2,006.8	13.9	87	594	2,017.2	-10.4	17/09/2026	85
4111G8000	2,008.6	8.1	258	354	2,014.9	-6.3	20/08/2026	57
4111G7000	2,009.0	17.6	201,850	32,440	2,012.0	-3.0	16/07/2026	22
4112G7000	1,938.1	8.1	32	30	1,942.2	-4.1	16/07/2026	22

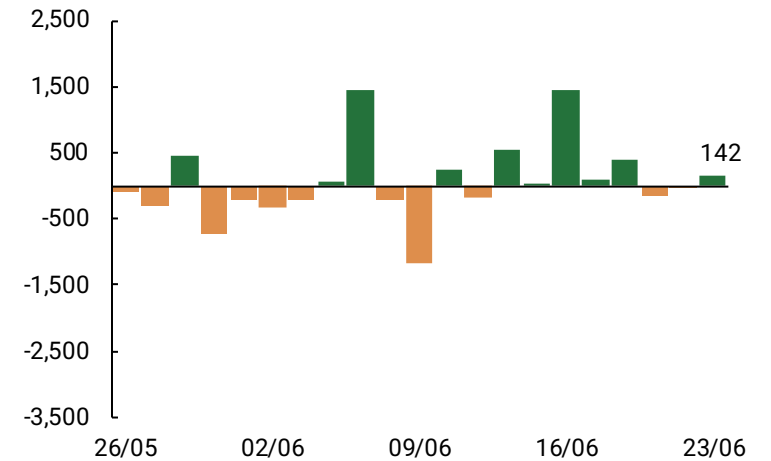
Khối lượng mở (Open interest)



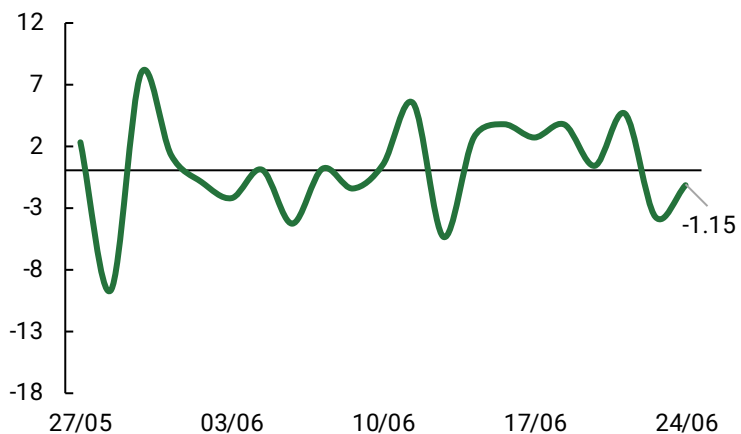
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



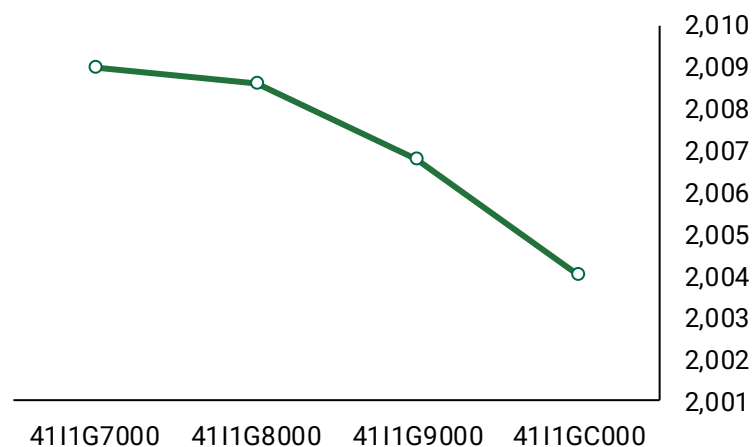
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



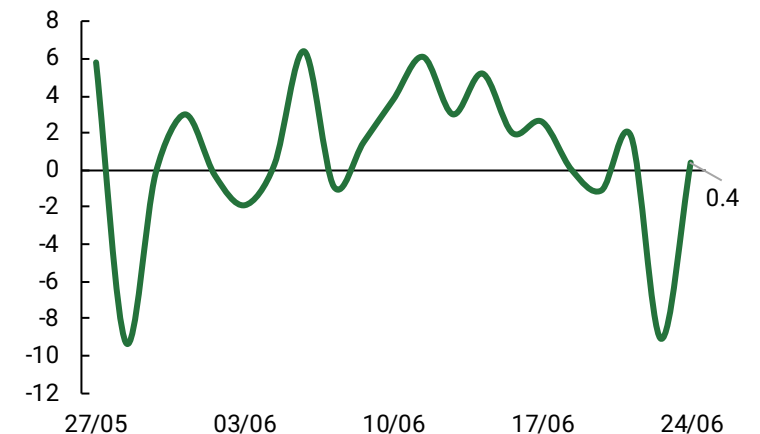
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



- 01/06 Việt Nam, Mỹ - Chỉ số PMI
- 03/06 Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 5 và 5 tháng đầu năm
- 05/06 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 10/06 Mỹ - Chỉ số CPI
Trung Quốc - Chỉ số CPI, PPI
- 11/06 Mỹ - Chỉ số PPI
- 13/06 Việt Nam - VNM ETF công bố danh mục
- 16/06 Trung Quốc - Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất
- 17/06 Mỹ - Doanh số bán lẻ
- 18/06 Việt Nam - Đáo hạn hợp đồng phái sinh
Mỹ - FED công bố lãi suất
Anh - BoE công bố lãi suất
- 24/06 Việt Nam - MSCI công bố kết quả xếp hạng thị trường
- 25/06 Mỹ - Chỉ số PCE, dữ liệu GDP sau cùng

THÔNG TIN VĨ MÔ

NHNN mở rộng dư địa tín dụng cho các dự án trung, dài hạn: Từ ngày 1/7, tỷ lệ vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn tăng từ 30% lên 40%, giúp các ngân hàng có thêm nguồn lực tài trợ bất động sản, hạ tầng và đầu tư sản xuất. Đồng thời, dư nợ phát sinh từ 18 dự án trọng điểm của Vingroup, Sun Group và Masterise, với tổng nhu cầu huy động hơn 752.000 tỷ đồng, được loại trừ khi tính tăng trưởng tín dụng, qua đó tạo thêm dư địa vốn cho các dự án đường sắt, sân bay và hạ tầng quy mô lớn.

MSCI chưa đưa Việt Nam vào danh sách theo dõi nâng hạng: Trong Báo cáo Rà soát Phân loại Thị trường năm 2026, MSCI tiếp tục chưa đưa Việt Nam vào danh sách theo dõi nâng hạng lên thị trường mới nổi. Dù ghi nhận một số tiến bộ về cơ chế giao dịch, đối tác bù trừ trung tâm và công bố thông tin tiếng Anh, MSCI vẫn giữ nguyên đánh giá đối với toàn bộ 18 tiêu chí tiếp cận thị trường, trong đó 8 tiêu chí cần tiếp tục cải thiện.

Dòng vốn FDI vào Việt Nam chuyển dần sang các ngành công nghệ cao: Cơ cấu FDI đang dịch chuyển từ các ngành thâm dụng lao động sang bán dẫn, điện tử tiên tiến, tự động hóa, hạ tầng số và chuyển đổi năng lượng. Sản xuất vẫn chiếm khoảng hai phần ba vốn đăng ký mới và hơn 80% vốn thực hiện, nhưng ngày càng bao gồm nhiều hoạt động có giá trị gia tăng cao hơn như kỹ thuật, quản lý chuỗi cung ứng và phát triển công nghệ.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

LPB - Tăng trần hai phiên liên tiếp, vốn hóa vượt STB, HDB và ACB: Cổ phiếu LPB tiếp tục tăng trần lên 56,200 đồng/cp trong phiên sáng 24/6, lập đỉnh lịch sử và đưa vốn hóa LPBank lên gần 168,000 tỷ đồng. Diễn biến tích cực xuất hiện sau khi ngân hàng công bố ông Phạm Nhật Vượng sở hữu hơn 146.2 triệu cổ phiếu, tương ứng 4.894% vốn điều lệ; đây được xác định là khoản đầu tư cá nhân và không nhằm tham gia điều hành ngân hàng.

VPL - Huy động thành công 255 triệu USD từ các quỹ đầu tư quốc tế: Vinpearl hoàn tất thương vụ huy động 255 triệu USD từ SeaTown Private Credit Fund III, Cơ quan Đầu tư Oman và Quỹ Đầu tư Việt Nam Oman thông qua cổ phần ưu đãi cổ tức chuyển đổi. Nguồn vốn mới dự kiến hỗ trợ kế hoạch phát triển dài hạn, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và mở rộng vị thế của Vinpearl trong lĩnh vực du lịch – nghỉ dưỡng.

MWG - Dự kiến phát hành hơn 7.3 triệu cổ phiếu ESOP: Thế giới Di động dự kiến phát hành hơn 7.3 triệu cổ phiếu ESOP, tương đương 0.5% lượng cổ phiếu đang lưu hành, cho 66 cán bộ quản lý với giá 10,000 đồng/cp. Doanh nghiệp dự kiến thu hơn 73.4 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động; cổ phiếu được giải tỏa chuyển nhượng theo từng phần sau một và hai năm.

ACB - Chủ động bảo vệ NIM khi tín dụng tăng nhanh hơn huy động: Lãnh đạo ACB cho biết ngân hàng tập trung quản trị thanh khoản, kiểm soát chi phí vốn và duy trì tăng trưởng tín dụng có chọn lọc trong bối cảnh cạnh tranh huy động gia tăng. ACB dự kiến đa dạng hóa nguồn vốn thông qua phát hành giấy tờ có giá và vay vốn nước ngoài, đồng thời duy trì danh mục tài sản thanh khoản cao để giảm áp lực lên biên lãi ròng.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	52,800	73,400	39.0%	Mua
CTG	33,900	45,200	33.3%	Mua
CTD	70,300	82,900	17.9%	Tăng tỷ trọng
DBD	51,000	68,000	33.3%	Mua
DDV	25,860	35,900	38.8%	Mua
DGW	39,250	47,500	21.0%	Mua
DPG	38,600	42,300	9.6%	Nắm giữ
DPR	38,850	46,500	19.7%	Tăng tỷ trọng
DRI	14,100	17,200	22.0%	Mua
EVF	13,300	14,400	8.3%	Nắm giữ
FRT	128,800	157,600	22.4%	Mua
GMD	75,000	92,700	23.6%	Mua
HAH	52,900	60,300	14.0%	Tăng tỷ trọng
HDG	20,900	30,900	47.8%	Mua
HHV	11,200	12,300	9.8%	Nắm giữ
HPG	23,500	30,700	30.6%	Mua
IMP	43,500	55,000	26.4%	Mua
KDH	21,950	38,800	76.8%	Mua
MCH	128,000	177,200	38.4%	Mua
MWG	77,800	115,600	48.6%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	24,800	34,000	37.1%	Mua
NLG	25,500	39,400	54.5%	Mua
NT2	22,400	27,700	23.7%	Mua
PHR	63,600	72,800	14.5%	Tăng tỷ trọng
PNJ	65,500	75,500	15.3%	Tăng tỷ trọng
PVS	38,800	39,900	2.8%	Nắm giữ
PVT	20,050	18,900	-5.7%	Giảm tỷ trọng
POW	14,100	15,000	6.4%	Nắm giữ
SAB	47,800	57,900	21.1%	Mua
SSI	26,700	32,100	20.2%	Mua
TLG	49,350	50,900	3.1%	Nắm giữ
TCB	32,500	41,700	28.3%	Mua
TCM	20,150	35,300	75.2%	Mua
TRC	76,000	94,800	24.7%	Mua
VCB	61,000	84,200	38.0%	Mua
VPB	26,550	36,500	37.5%	Mua
VCG	19,650	26,200	33.3%	Mua
VHC	58,400	60,000	2.7%	Nắm giữ
VNM	58,300	66,650	14.3%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801